

Bản án số: 233/2019/HS-PT

Ngày: 23-9-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Khắc Thịnh

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Tuấn Anh

Ông Lê Hồng Nước

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhựt Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Lưu Thúy Ái- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 134/2019/TLPT-HS ngày 03 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo Dương Văn K và đồng phạm. Do có kháng cáo của bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2019/HS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T.

- Bị cáo bị kháng cáo:

1. Dương Văn K, sinh năm 19XX, tại tỉnh Đ; Nơi cư trú: Khóm C, phường A, thị xã H, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: XX/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương Văn M, sinh năm 19XX (chết) và bà Thái Thị B, sinh năm: 19XX; Vợ: chưa; Anh, chị, em: 05 anh chị em; Tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Chưa bị xử lý về hành vi gì; Bị bắt, tạm giữ ngày 08/12/2018, tạm giam ngày: 14/12/2018, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 02/02/2019. Bị cáo đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

2. Võ Văn P, sinh năm 19XX, tại tỉnh Đ; Nơi cư trú: Khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Hót tóc; Trình độ học vấn: XX/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn M1, sinh năm 19XX và bà Nguyễn Thị P1, sinh năm: 19XX; Vợ: chưa; Anh chị em: 03 anh chị em; Tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Chưa bị xử lý về hành vi gì; Bị bắt tạm giữ ngày 08/12/2018, tạm giam ngày: 14/12/2018, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú 02/02/2019. Bị cáo đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Văn S, sinh năm 19XX, tại tỉnh Đ; Nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn H, sinh năm 19XX (chết) và bà Trần Thị B1, sinh năm: 19XX (chết); Vợ: Bùi Thị G, sinh năm 19XX; Có 02 con; Tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Chưa bị xử lý về hành vi gì; Bị bắt tạm giữ ngày 08/12/2018, tạm giam ngày: 14/12/2018, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 10/01/2019. Bị cáo đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Võ Văn P theo yêu cầu: Luật sư Thái Quang Trí - Cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

Bị hại: Công ty trách nhiệm hữu hạn H;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn H1, sinh năm: 19XX;

Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện ủy quyền của ông Trần Văn H1 là:

1. ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 19XX (có mặt);

Chức vụ: Trưởng phòng tổ chức Hành chính của Công ty trách nhiệm hữu hạn H.

2. Ông Bùi Duy L, sinh năm: 19XX (vắng mặt);

Chức vụ: Trưởng ban giám sát công ty trách nhiệm hữu hạn H.

(Theo văn bản ủy quyền số 07/HC-GUQ ngày 08/12/2018).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Thị P1, sinh năm: 19XX (có mặt);

Nơi cư trú: Khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đ.

2. Thái Thị B, sinh năm: 19XX (có mặt);

Nơi cư trú: Khóm C, phường A, thị xã H, tỉnh Đ.

3. Trần Văn L1, sinh năm: 19XX (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đ.

Người làm chứng:

1. Ông Phạm Văn D, sinh năm: 19XX (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đ.

2. Chị Tô Tuyết L2, sinh năm: 19XX (có mặt);

Nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đ.

3. Trần Chí L3, sinh năm: 19XX (có mặt);

Nơi cư trú: Ấp B, xã B, thị xã H, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ 40 phút, ngày 08/12/2018, tại khu vực bến lên cá tra của Công ty trách nhiệm hữu hạn H (gọi tắt là Công ty H) địa chỉ tại ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đ. Anh Bùi Duy L và anh Phạm Văn D là nhân viên bảo vệ Công

ty phát hiện bắt quả tang Dương Văn K, Võ Văn P và Trần Văn S có hành vi lén lút lấy trộm cá tra của Công ty nên điện thoại báo Công an xã B đến kiểm tra, lập biên bản phạm tội quả tang.

Kết quả điều tra thể hiện: Dương Văn K và Võ Văn P làm thuê trên ghe chở cá tra Chí L3 1, mang biển số: ĐT-XXXXXX của ông Trần Chí L3, sinh năm 19XX, ngụ ấp B, xã B, thị xã H đứng tên chủ sở hữu; Trong quá trình vận chuyển cá về bến neo đậu chờ lên cá không có người trong coi nên K và P bàn bạc cùng nhau bắt trộm cá tra trên ghe Chí L3 1 bán lại lấy tiền tiêu xài. Sau khi bàn bạc với nhau cả ba gồm K, P, S đều thống nhất thực hiện.

Khoảng 06 giờ ngày 07/12/2018, Dương Văn K, Võ Văn P và Nguyễn Văn P3 điều khiển ghe Chí L3 1 đi từ Công ty H đến vùng nuôi cá thuộc xã T, huyện T để chở cá tra, đến khoảng 19 giờ cùng ngày thì cả 03 người chở cá tra về bến Công ty H, địa chỉ tại ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đ neo đậu rồi đi ngủ. Khoảng 02 giờ ngày 08/12/2018, K cùng với P lén lút mở khoan sau và mở cửa hông bên phải ghe Chí L3 1, lấy bao tay bằng vải bắt cá tra trong khoan sau bỏ vào đầy giỏ (sọt) gỗ, rồi K điện thoại cho Sơn chạy xuống gỗ (loại tam bản), máy xăng màu xanh đến đậu cặp phía sau bên phải ghe để nhận cá tra. Khi lấy trộm được 05 giỏ cá tra thì bị các anh Bùi Duy L, Phạm Văn D phát hiện, bắt quả tang và xác định được K, P, S lấy 511,5kg cá tra và lập biên bản quả tang.

Quá trình điều tra Dương Văn K, Võ Văn P và Trần Văn S khai nhận hành vi trộm cá tra của mình đồng thời còn khai nhận: Trước đó khoảng từ đầu tháng 11 đến tháng 12/2018 đã thực hiện 04 lần lấy trộm cá tra nguyên liệu từ ghe Chí L3 1. Tổng cộng 04 lần lấy trộm nêu trên có tổng trọng lượng là 310 kg (trong đó có 01 lần K, Sơn thực hiện cùng với N không rõ tên địa chỉ). Sau khi lấy trộm S mang số cá này bán lại cho Tô Tuyết L2, sinh năm 19XX, ngụ ấp B, xã B, huyện T, tiền bán cá K chia cho P 300.000 đồng và S 300.000 đồng còn lại K tiêu xài hết. Kết quả P đã nhận tiền từ bị K 03 lần với số tiền là 900.000 đồng, S đã nhận tiền từ bị cáo K 04 lần với số tiền là 1.200.000 đồng, còn lại bị cáo K đã giữ số tiền thu lợi bất chính từ việc bán cá tra 04 lần với số tiền là 3.200.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 06/KL-HĐ ngày 10/12/2018 và số: 20/KL-HĐ ngày 28/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T, kết luận: Tổng trọng lượng cá tra 821,5 kg x 30.000đ/kg = 24.645.000 đồng.

Về vật chứng tạm giữ chờ xử lý, gồm:

01 máy xăng màu xanh, không nhãn hiệu và láp; 01 xuồng gỗ (loại tam bản) chiều dài 5,60m, chiều rộng 1,23m của bị cáo S; 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu đỏ, ốp lưng bằng mũ màu trắng của bị cáo K.

- Số lượng 511,5 kg cá tra nguyên liệu, hiện Cơ quan điều tra đã trao trả lại cho đại diện bị hại xong;

- Đối với phương tiện vận chuyển là ghe chất liệu gỗ, mang biển kiểm soát số: ĐT 12707 do anh Trần Chí L3 đứng tên sở hữu. Xét thấy không liên

quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trao trả cho ông L3 xong.

- Đối với chiếc giỏ (sọt) chứa cá tra lấy trộm và chiếc điện thoại S dùng để liên lạc với K, trong lúc bị phát hiện bắt quả tang bị rơi xuống sông nên không truy tìm được.

Đối với hành vi của Tô Tuyết L2 mua cá tra của S 04 lần nhưng không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không đủ căn cứ để xử lý hình sự về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với người tên N do không biết rõ họ tên, địa chỉ cụ thể nên không làm việc ghi lời khai được.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Văn T là đại diện theo ủy quyền của Công ty H đã nhận lại số cá 511,5kg nên không yêu cầu bồi thường. Đối với số cá 310kg bị mất trộm không thu hồi được ông yêu cầu bồi thường. Ngày 26/01/2019, bà Thái Thị B (là mẹ của K) đã nộp số tiền 5.500.000 đồng; bà Nguyễn Thị P1 (là mẹ của P), đã nộp số tiền 2.170.000 đồng và ngày 25/01/2019, Trần Văn S đã nộp số tiền 2.250.000 đồng. Tổng cộng số tiền đã nộp là 9.920.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bị hại, hiện Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện T đang quản lý số tiền trên.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2019/HS-ST ngày 08/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Dương Văn K, Võ Văn P, Trần Văn S phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Dương Văn K 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày đi thi hành án và được trừ vào ngày tạm giữ, tạm giam 08/12/2018 đến ngày 03/02/2019.

Xử phạt bị cáo Võ Văn P 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày đi thi hành án và được trừ vào ngày tạm giữ, tạm giam 08/12/2018 đến ngày 03/02/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Văn S 03 (Ba) tháng tù, Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày đi thi hành án và được trừ vào ngày tạm giữ, tạm giam 08/12/2018 đến ngày 10/01/2019.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019, người đại diện theo pháp luật của bị hại có đơn kháng cáo với nội dung cho rằng tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo quá nhẹ, chưa làm rõ hành vi tiêu thụ của bà L2 và đề nghị truy xét lại các kỳ vận

chuyển thuê của Dương Văn K và Võ Văn P trước ngày 18/4/2019 đến ngày vận chuyển cho ghe Chí L3 1.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Hành vi của các bị cáo Dương Văn K, Võ Văn P, Trần Văn S bị Tòa án cấp sơ thẩm quy kết về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm đã xác định sai tư cách tham gia tổ tụng của anh Trần Chí L3 và Công ty trách nhiệm hữu hạn H vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Ngoài ra, gia đình của bị cáo S thuộc hộ cận nghèo nhưng án sơ thẩm chưa xem xét tình tiết này cho bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự, hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 09/2019/HS-ST ngày 08/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện T để cấp sơ thẩm điều tra, xét xử lại theo thủ tục chung.

Luật sư bào chữa cho bị cáo P phát biểu quan điểm thống nhất với quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát đồng thời còn cho rằng tại phiên tòa phúc thẩm, phía Công ty trách nhiệm hữu hạn H mới cung cấp hợp đồng nguyên tắc giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn H và chủ phương tiện vận chuyển là anh Trần Chí L3. Điều này cho thấy cấp sơ thẩm có thiếu sót, chưa xem xét toàn diện để xác định trách nhiệm bồi thường. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự, hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 09/2019/HS-ST ngày 08/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện T để cấp sơ thẩm điều tra, xét xử lại theo thủ tục chung.

Trong phần tranh luận các bị cáo bị cáo không có tranh luận mà chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện bị hại không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Dương Văn K, Võ Văn P, Trần Văn S đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định: Khoảng 06 giờ ngày 07/12/2018, Dương Văn K, Võ Văn P và Nguyễn Văn P3 điều khiển ghe Chí L3 1 do anh Trần Chí L3 đứng tên chủ sở hữu, đi chở cá tra thuê cho Công ty H từ vùng nuôi cá về bến Công ty H neo đậu rồi đi ngủ. Khoảng 02 giờ ngày 08/12/2018, K cùng với P lén lút bắt cá tra trong khoan sau bỏ vào đầy giỏ (sọt) gỗ, rồi K điện thoại cho S chạy xuống gỗ đến để nhận cá tra mang đi bán. Khi các bị cáo lấy trộm được 05 giỏ cá tra thì bị các anh Bùi Duy L, Phạm Văn D phát hiện, bắt quả tang và xác định được K, P, S lấy 511,5kg cá tra. Ngoài ra, các bị cáo còn

khai nhận khoảng từ đầu tháng 11 đến tháng 12/2018, đã thực hiện 04 lần lấy trộm cá tra từ ghe Chí L3 1. Tổng cộng 04 lần lấy trộm nêu trên có tổng trọng lượng là 310 kg (trong đó có 01 lần K, S thực hiện cùng với N không rõ tên địa chỉ). Sau khi lấy trộm, S mang số cá này bán lại cho Tô Tuyết L2. Tiền bán cá K chia cho P 300.000 đồng, S 300.000 đồng, số còn lại K tiêu xài hết. Tổng cộng 5 lần các bị cáo lấy trộm 821,5 kg cá tra nguyên liệu. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt là 24.645.000 đồng.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản thuộc sở hữu của người khác một cách trái pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm đã xác định tư cách tham gia tố tụng trong vụ án chưa phù hợp. Công ty trách nhiệm hữu hạn H đã hợp đồng thuê ghe chở cá tra Chí L3 1 của anh Trần Chí L3 vận chuyển cá từ vùng nuôi về Công ty. Hai bên thỏa thuận bên anh L3 có trách nhiệm quản lý tài sản, trong quá trình vận chuyển nếu cá bị chết hay bị hao hụt trên 1% thì anh L3 phải chịu trách nhiệm bồi thường. Các bị cáo K và P làm thuê trên ghe chở cá của anh L3, đã lén lút trộm cá trên ghe và thuộc quyền quản lý của anh L3 nhưng cấp sơ thẩm lại xác định tư cách tham gia tố tụng của anh L3 là người làm chứng, Công ty trách nhiệm hữu hạn H là bị hại là chưa phù hợp. Chính việc xác định sai tư cách tham gia tố tụng này dẫn đến việc Công ty H kháng cáo yêu cầu như đã nêu trên là không phù hợp, vi phạm về quyền và phạm vi kháng cáo.

Hơn nữa, tại biên bản ghi lời khai ngày 09/01/2019, anh L3 khai khi vận chuyển cá từ hầm về bị hao hụt hay chết thì anh chịu trách nhiệm bồi thường. Tuy nhiên, đối với số cá hao hụt ít nên công ty bỏ qua. Từ trước đến nay anh chỉ bồi thường cho công ty phần cá chết nhưng không nhớ cụ thể là bao nhiêu lần. Khi bắt được K trộm cá thì công ty có mời anh làm việc và yêu cầu anh bồi thường số tiền khoảng 01 tỷ đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện công ty H cũng xác nhận có việc này và xác định các lần thuê ghe Chí L3 1 vận chuyển cá đều đã tất toán xong. Điều này thể hiện anh L3 là người có trách nhiệm bồi thường cho Công ty H. Việc cấp sơ thẩm tuyên buộc các bị cáo bồi thường thiệt hại cho Công ty H là chưa phù hợp. Các bị cáo chỉ có trách nhiệm bồi thường cho anh L3 khi anh L3 có yêu cầu. Vấn đề này cấp sơ thẩm chưa làm rõ. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Công ty trách nhiệm hữu hạn H mới cung cấp hợp đồng nguyên tắc về việc vận chuyển cá nguyên liệu giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn H và chủ phương tiện vận chuyển là anh Trần Chí L3, trong đó có quy định về trách nhiệm và quyền hạn của các bên. Điều này chứng tỏ cấp sơ thẩm đã chưa xem xét thấu đáo trách nhiệm bồi thường trong vụ án.

Ngoài ra, bị cáo Trần Văn S là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế, được cấp sổ hộ cận nghèo nhưng cấp sơ thẩm chưa xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này cho bị cáo mà lại buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là chưa phù hợp. Khi bị bắt quả tang, các bị cáo đã tự khai ra các lần trộm trước. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nhưng cấp sơ thẩm chưa xem xét cho các bị cáo là thiếu sót.

Xét thấy, cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại; chưa xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo dẫn đến thiếu sót trong việc áp dụng pháp luật nên cần phải hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm.

[3] Từ những nội dung trên, xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát và vị luật sư tại phiên tòa là có cơ sở, phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Do hủy toàn bộ bản án sơ thẩm nên không xem xét kháng cáo của bị hại. Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355 và điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 09/2019/HS-ST ngày 08/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện T.

Giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân huyện T để điều tra, xét xử lại theo thủ tục chung.

Về án phí: Các bị cáo Dương Văn K, Võ Văn P, Trần Văn S và bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ GD-KT1);
- VKSND Tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- TAND-VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Cơ quan CSĐT CA huyện T;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Bị cáo, bị hại, NLQ, NBC;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Khắc Thịnh